

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9 và 9 tháng năm 2021

%

	Tháng 8 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 9 năm 2021 so với tháng 8 năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước	9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	108,03	108,36	106,19	114,02
Khai khoáng	38,43	136,87	50,90	80,16
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	38,43	136,87	50,90	80,16
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến , chế tạo	109,23	108,60	106,75	114,90
Sản xuất chế biến thực phẩm	123,16	108,91	121,73	129,31
Sản xuất đồ uống	73,85	111,56	92,51	97,18
Dệt	100,62	102,59	103,99	105,17
Sản xuất trang phục	103,20	98,81	102,65	106,93
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	74,42	108,81	89,64	88,69
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	100,96	110,57	83,94	101,66
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	118,52	131,25	80,92	122,25
In, sao chép bản ghi các loại	92,62	105,20	104,49	107,78
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	85,94	109,09	84,96	94,36
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	59,54	104,12	61,65	80,60
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	87,53	105,85	93,11	83,94
Sản xuất kim loại	31,14	103,61	33,09	46,93
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	51,68	137,11	44,01	84,77
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	8,36	110,00	9,09	8,64
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đ	86,96	105,00	87,50	70,05
Sản xuất xe có động cơ	111,76	109,47	82,23	135,81
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	85,06	105,38	91,99	100,48
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	101,82	98,18	101,86	76,77
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	109,49	101,26	115,30	111,17
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	95,12	106,69	87,99	100,79
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	106,85	96,15	112,44	111,41
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	80,74	123,80	69,06	89,49